

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ T  
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: **09/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 15-4-2022

V/v ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH L**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Tô Loan

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Văn Hải.

2. Bà Lê Thị Đông.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Văn Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh L tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Chăm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 161/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐX-STHNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim T; sinh năm 1980.

Địa chỉ: số 336 ấp C, xã N, thành phố T, tỉnh L.

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thanh Quài; sinh năm 1975.

Địa chỉ: số 336 ấp C, xã N, thành phố T, tỉnh L.

(*Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do*)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 10 năm 2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T trình bày:*

Bà và ông Lê Thanh Q tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện T, tỉnh G theo Giấy chứng nhận kết hôn số 107

quyển số 01/2001 ngày 31/12/2001. Từ đầu năm 2020, vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, gây gổ nhau ngày càng nhiều nguyên nhân do ông Q không lo làm ăn, không chăm lo cho vợ con, thường xuyên nhậu nhẹt, cờ bạc gây nợ nần. Bà đã cố gắng cho ông Q rất nhiều cơ hội nhưng ông Q không hề sửa đổi. Nay bà thấy tình cảm không còn nên yêu cầu xin ly hôn với ông Q.

Về con chung: 02 con chung tên Lê Hoài N, sinh ngày 15/10/2002 (đã trưởng thành) và Lê Minh N, sinh ngày 13/3/2017. Khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên Lê Minh N, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: bà xác định bà và ông Q tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn ông Lê Thanh Q có lời trình bày tại bản tự khai ngày 15/02/2022 có nội dung:* ông thống nhất với bà T về quá trình chung sống, kết hôn cũng như mâu thuẫn. Tuy nhiên, đối với yêu cầu ly hôn của bà T ông không đồng ý ly hôn vì ông còn thương vợ con.

Về con chung: 02 con chung tên Lê Hoài N, sinh ngày 15/10/2002 (đã trưởng thành) và Lê Minh N, sinh ngày 13/3/2017. Trường hợp Tòa án cho ly hôn thì ông yêu cầu được nuôi con chung chưa thành niên, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: ông xác định ông và bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bà Nguyễn Thị Kim T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, xác định giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ly hôn với ông Lê Thanh Q, yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên, xác định không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.**

Bị đơn ông Lê Thanh Q đã được Tòa án thực hiện việc niêm yết, tổng đạt hợp lệ các giấy báo phiên tòa, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Q không đến tham gia các phiên tòa.

Về ý kiến của Viện kiểm sát:

**Về thủ tục tố tụng:** Từ khi thụ lý đến phiên tòa xét xử vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Lê Thanh Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến tham gia phiên tòa. Bà Nguyễn Thị Kim T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã xét xử vắng mặt đối với bà T và ông Q là đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Lê Thanh Q là quan hệ hôn nhân hợp pháp, do bà T và ông Q có mâu thuẫn không thể hàn gắn được, nhận thấy từ ngày hòa giải đến nay ông Q đã không đưa ra được biện pháp hàn gắn tình cảm, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, từ đó có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T. Con chung chưa

thành niên Lê Minh N, sinh ngày 13/3/2017 hiện đang sống chung với bà T, do đó để đảm bảo cuộc sống ổn định cho con chung nên giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T, giao con chung Lê Minh N, sinh ngày 13/3/2017 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, ông Q không phải cấp dưỡng nuôi con do bà T không có yêu cầu. Bà T phải chịu án phí theo qui định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Kim T nộp đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Lê Thanh Q có địa chỉ cư trú ở thành phố T, tỉnh L nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh L.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải vụ án theo quy định tại Điều 205 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 54 Luật Hôn nhân và gia đình, nhưng kết quả hòa giải không thành. Vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tòa án đã thực hiện tổng đạt, niêm yết hợp lệ các giấy báo phiên tòa, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Q không đến tham gia các phiên tòa. Bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn là đúng theo quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Lê Thanh Q tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện T, tỉnh G nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tòa án cũng đã có xác minh về quan hệ tranh chấp dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng của bà T và ông Q tại UBND xã L, thành phố T, tỉnh L nơi bà T và ông Q sinh sống sau khi kết hôn theo quy định tại Điều 208 BLTTDS nhưng địa phương không nắm rõ nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng giữa Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Lê Thanh Q. Tại phiên hòa giải, bà T và ông Q đã thống nhất về quá trình chung sống, kết hôn cũng như mâu thuẫn. Ông Q không đồng ý ly hôn, xin được cơ hội để hàn gắn tình cảm với bà T nhưng từ ngày hòa giải đến nay, ông Q cũng không đưa ra được biện pháp gì để hàn gắn, hiện bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Bà T và ông Q đã ly thân từ hơn một năm nay. Hiện bà T xác định đã không còn tình cảm với ông Q nên yêu cầu được chấm dứt hôn nhân. Xét thấy cuộc sống vợ chồng giữa bà T và ông Q đã có những mâu thuẫn không thể giải quyết được, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Ông Q và bà T có 02 con chung tên Lê Hoài N, sinh ngày 15/10/2002 (đã trưởng thành) và Lê Minh N, sinh ngày 13/3/2017. Khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên Lê Minh N, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, con chung chưa thành niên hiện đang sống chung với bà T. Hiện nay bà T có thu nhập ổn định đủ khả năng để nuôi con. Vì vậy, để đảm bảo cuộc sống ổn định cho con chung, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ.

[4] Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 300.000đ.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

[1] Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Kim T và ông Lê Thanh Q.

[2] Về nuôi con chung:

Giao con chung tên Lê Minh N, sinh ngày 13/3/2017 cho bà Nguyễn Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Lê Thanh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà Nguyễn Thị Kim T không có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con được quyền yêu cầu hạn chế quyền thăm nom nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom làm ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc giáo dục con chung. Vì quyền lợi của con chung, các bên hoặc một bên có quyền yêu cầu

Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số 0001063 ngày 01/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T.

[4] Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh L;
- VKSND TP. Tân An;
- Chi cục THA TP. Tân An;
- UBND xã (phường) nơi ĐKKH;
- Các đương sự
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Thị Tố Loan**

**\*Nơi nhận:**

- TAND tỉnh L;
- VKSND tp. Tân An;
- Chi cục THA tp. Tân An
- Các đương sự
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Thị Tố Loan**